

Dấu ấn thương cảng Hà Tiên dưới thời Cư sĩ Mạc Thiên Tích

ISSN: 2734-9195 14:30 16/07/2026

Một trong những chứng tích đáng chú ý về hành trình lưu chuyển của An Pháp Nguyên Bảo là các đồng tiền được khai quật tại di chỉ cổ Bồn Cảng - Bàng Khê Khuyết, thuộc khu vực Bắc Cảng, huyện Vân Lâm, Đài Loan.

Quyền đúc tiền, mạng lưới giao thương và tinh thần kinh tế nhân văn ở phương Nam thế kỷ XVIII

Trong lịch sử Hà Tiên thế kỷ XVIII, An Pháp Nguyên Bảo không chỉ là một đồng tiền phục vụ trao đổi hàng hóa. Đằng sau hình hài nhỏ bé của đồng tiền tròn, lỗ vuông ấy là câu chuyện về quyền lực chính trị, năng lực quản trị kinh tế, sự phồn thịnh của một thương cảng và tầm nhìn hướng biển của chính quyền họ Mạc.

Được cho là đúc tại Hà Tiên vào khoảng năm Bính Thìn 1736, khi Cư sĩ Mạc Thiên Tích kế nghiệp cha, An Pháp Nguyên Bảo đã đi vào đời sống giao thương của vùng đất phương Nam. Từ Hà Tiên, những đồng tiền ấy theo các đoàn thuyền buôn vượt vịnh Xiêm, lưu chuyển trong mạng lưới thương mại nối liền Đông Nam Á, miền Nam Trung Hoa và Đài Loan.

Gần ba thế kỷ trôi qua, những đồng tiền được phát hiện tại các di chỉ khảo cổ cách Hà Tiên hàng nghìn cây số vẫn âm thầm kể lại câu chuyện về một cảng thị từng nằm giữa nhiều dòng chảy: văn hóa, thương mại, di dân và quyền lực khu vực.

1. Hà Tiên trong không gian chính trị và thương mại thế kỷ XVIII

Đầu thế kỷ XVIII, Đại Việt vẫn ở trong tình trạng phân chia giữa chính quyền Lê - Trịnh ở phía Bắc và các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Tại vùng cực Nam, Hà Tiên từng bước nổi lên như một trung tâm cảng thị quan trọng bên bờ vịnh Xiêm.

Vùng đất này nằm trên tuyến hàng hải kết nối đồng bằng sông Cửu Long với Campuchia, Xiêm La, bán đảo Mã Lai, quần đảo Indonesia và các thương cảng

phía Nam Trung Hoa. Chính vị trí chiến lược ấy đã tạo cho Hà Tiên một vai trò đặc biệt trong đời sống kinh tế, ngoại giao và giao lưu văn hóa của khu vực.

Dưới sự gây dựng của Cư sĩ Mạc Cửu và sự kế tục của Cư sĩ Mạc Thiên Tích, Hà Tiên từng bước hình thành một cơ cấu cai quản tương đối hoàn chỉnh, gồm quân đội, thành lũy, công sở, bến cảng, chợ búa cùng hệ thống thuế khóa phục vụ hoạt động hành chính và thương mại.

Một số công trình nghiên cứu hiện đại mô tả Hà Tiên thời kỳ này như một “cảng thị quốc”, hoặc một chính thể biên viễn có mức độ tự chủ đáng kể. Tuy nhiên, đây không phải là quốc hiệu chính thức. Về danh nghĩa chính trị, Hà Tiên vẫn thần phục và nhận sự bảo hộ của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Sự kết hợp giữa quyền tự quản tại địa phương với sự công nhận của chúa Nguyễn đã tạo nên một không gian chính trị tương đối linh hoạt, giúp Hà Tiên phát triển thành đầu mối thương mại quan trọng ở phía Tây Nam Đại Việt.

2. Từ nhị vị Cư sĩ phật tử Mạc Cửu đến Mạc Thiên Tích

Mạc Cửu sinh năm 1655 tại Lôi Châu, Quảng Đông. Trong bối cảnh triều Minh sụp đổ và nhà Thanh thiết lập quyền cai trị tại Trung Hoa, nhiều lưu dân người Hoa đã rời quê hương, đi xuống các vùng đất Đông Nam Á tìm nơi sinh sống và lập nghiệp.

Cư sĩ Mạc Cửu đến Campuchia khi còn trẻ, tham gia hoạt động thương mại và từng bước gây dựng thế lực tại vùng Mang Khăm, tức Hà Tiên về sau. Ông thu hút lưu dân, thương nhân và cư dân bản địa đến khai khẩn đất đai, lập phố chợ, mở mang sản xuất và phát triển giao thương.

Nhận thấy Hà Tiên cần một chỗ dựa chính trị đủ mạnh để tồn tại giữa những biến động của Campuchia và Xiêm La, Mạc Cửu quyết định quy thuận chúa Nguyễn.

Năm Mậu Tý 1708, ông đến Phú Xuân dâng biểu xin thần phục. Chúa Nguyễn Phúc Chu tiếp nhận Hà Tiên vào hệ thống quản lý của Đàng Trong, phong Mạc Cửu làm Tổng binh và giao quyền trấn giữ vùng đất này.

Sự lựa chọn ấy mang ý nghĩa chiến lược đối với cả hai phía. Chúa Nguyễn có thêm một tiền đồn quan trọng ở cực Nam; trong khi Mạc Cửu nhận được danh nghĩa chính trị và sự bảo hộ cần thiết để tiếp tục xây dựng Hà Tiên.

Trong quá trình cai quản, ông không chỉ chú trọng khai khẩn, phòng thủ và thương mại, mà còn kiến tạo chùa chiền, am viện, góp phần bồi đắp đời sống

văn hóa và tâm linh cho cộng đồng cư dân mới. Việc mở đất vì thế không chỉ nhằm gia tăng nguồn lợi kinh tế, mà còn hướng đến mục tiêu an dân, tạo dựng nơi cư trú ổn định và nuôi dưỡng sự gắn kết giữa các cộng đồng.

Sau khi Mạc Cửu qua đời vào năm Ất Mão 1735, người con là Mạc Thiên Tích, trong nhiều sử liệu Việt Nam còn được gọi là Mạc Thiên Tứ, kế nhiệm quyền cai quản Hà Tiên.

Mạc Thiên Tích tiếp tục đường lối của cha, đồng thời đưa Hà Tiên bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ hơn về chính trị, quân sự, kinh tế, giáo dục, văn hóa và ngoại giao.

3. Mạc Thiên Tích và công cuộc xây dựng thương cảng phồn thịnh

Sau khi kế nghiệp, Mạc Thiên Tích củng cố bộ máy cai quản, chinh đồn quân đội, xây dựng công sở, tu bổ thành lũy và mở rộng hoạt động giáo dục nhằm đào tạo nhân tài cho vùng đất mới.

Ông đặc biệt quan tâm đến văn hóa và học thuật. Tao đàn Chiêu Anh Các được hình thành tại Hà Tiên, quy tụ nhiều văn nhân, học giả, tạo nên một sinh hoạt văn chương nổi bật ở phương Nam. Sự phát triển của thi ca, giáo dục và Phật giáo góp phần làm cho Hà Tiên không chỉ là nơi hội tụ hàng hóa, mà còn trở thành điểm gặp gỡ của tư tưởng và văn hóa.

Trong lĩnh vực kinh tế, Mạc Thiên Tích tiếp tục duy trì chính sách tương đối cởi mở đối với thương nhân và người nhập cư. Các cộng đồng người Việt, người Hoa, người Khmer, cùng thương nhân đến từ Xiêm La, bán đảo Mã Lai, quần đảo Indonesia và nhiều vùng đất khác có thể đến Hà Tiên buôn bán, lưu trú và lập nghiệp.

Nhờ vị trí thuận lợi và chính sách dung nạp, Hà Tiên dần trở thành một đô thị cảng sầm uất. Nông sản, lâm sản và hàng hóa từ nội địa được tập kết tại đây để đưa ra biển; ngược lại, sản vật và hàng hóa từ nhiều quốc gia được chuyển qua Hà Tiên vào đồng bằng sông Cửu Long.

Sự gia tăng nhanh chóng của hoạt động trao đổi hàng hóa đặt ra nhu cầu về một phương tiện thanh toán ổn định, thuận tiện và có khả năng được thị trường chấp nhận rộng rãi. Trong bối cảnh ấy, việc tổ chức đúc tiền tại Hà Tiên không chỉ là một quyết định kỹ thuật, mà còn là bước phát triển quan trọng trong quá trình hoàn thiện năng lực quản trị kinh tế của chính quyền họ Mạc.

Một cách đọc từ Kinh tế học Phật giáo

Không có đủ tư liệu để khẳng định Mạc Thiên Tích đã xây dựng một học thuyết kinh tế theo nghĩa hiện đại. Tuy nhiên, khi nhìn lại chính sách của ông dưới lăng kính Kinh tế học Phật giáo, người đọc hôm nay có thể nhận thấy một số điểm tương đồng đáng chú ý.

Kinh tế học Phật giáo không xem sự tích lũy của cải là mục đích tối hậu. Giá trị của nền kinh tế được đo bằng khả năng bảo đảm sinh kế, giảm thiểu khổ đau, nuôi dưỡng lòng tin và xây dựng quan hệ hài hòa giữa con người với cộng đồng.

Tinh thần ấy gắn với nguyên lý Chính mạng trong Bát Chính đạo: con người mưu sinh bằng nghề nghiệp chân chính, không gây tổn hại cho mình, cho người khác và cho môi trường sống.

Việc thu hút cư dân đến khai khẩn, mở chợ, phát triển thương mại và tạo điều kiện cho nhiều cộng đồng cùng sinh sống có thể được nhìn như một chính sách hướng đến an cư lạc nghiệp. Sự phồn thịnh, trong ý nghĩa ấy, không chỉ nằm ở lượng hàng hóa qua cảng hay nguồn thu thuế, mà còn ở khả năng tạo dựng một môi trường xã hội ổn định, dung hòa khác biệt và bảo đảm sinh kế cho cư dân.

Các hoạt động dựng chùa, mở trường, xây công sở và chỉnh trang đô thị cũng cho thấy nguồn lực kinh tế đã được sử dụng không chỉ cho phòng thủ, mà còn cho đời sống tinh thần và lợi ích cộng đồng.

Đó là một bài học vẫn còn giá trị trong thời hiện đại: thương mại chỉ thật sự bền vững khi được đặt trên nền tảng của lòng tin, sự công bằng, trách nhiệm xã hội và thái độ tiết chế trước lòng tham vô hạn.

4. Quyền đức tiền và sự ra đời của An Pháp Nguyên Bảo

Theo những tư liệu được sử dụng trong bài viết, vào năm Bính Thìn 1736, Mạc Thiên Tích được chính quyền chúa Nguyễn cho phép tổ chức cơ sở đức tiền tại Hà Tiên.

Đồng tiền được đưa vào lưu thông mang minh văn:

安法元寶 - An Pháp Nguyên Bảo

Một số nguồn tư liệu gần lễ khai lò đúc tiền với dịp rằm tháng Giêng năm Bính Thìn và thời điểm mở Tao đàn Chiêu Anh Các. Tuy nhiên, mối liên hệ chính xác giữa hai sự kiện vẫn cần được kiểm chứng thêm bằng sử liệu đương thời và các công trình tiền tệ học chuyên sâu.

Dù ngày khai lò cụ thể còn cần khảo cứu, sự xuất hiện của An Pháp Nguyên Bảo trong thời kỳ Mạc Thiên Tích cai quản phản ánh một nhu cầu kinh tế hiện hữu.

Khi thị trường phát triển và khối lượng giao dịch gia tăng, sự thiếu hụt tiền lưu hành có thể cản trở trao đổi, khiến thương nhân phải sử dụng nhiều loại tiền có trọng lượng, chất lượng và tỷ lệ quy đổi khác nhau. Điều đó làm gia tăng chi phí giao dịch và gây khó khăn cho việc xác lập giá cả.



Việc đúc tiền tại chỗ có thể góp phần:

- * Bổ sung lượng tiền cần thiết cho thị trường;
- * Tạo thuận lợi cho thanh toán và trao đổi hàng hóa;
- * Hỗ trợ việc thu thuế và chi trả công vụ;
- * Giảm sự phụ thuộc vào nguồn tiền từ bên ngoài;
- * Tăng tính ổn định của các giao dịch thương mại;
- * củng cố lòng tin giữa chính quyền, thương nhân và cư dân.

Xét về phương diện chính trị, quyền đúc tiền thường gắn với thẩm quyền quản trị. Tuy nhiên, trong trường hợp Hà Tiên, quyền ấy không nên được hiểu như một tuyên bố độc lập hoàn toàn, mà có thể là một quyền hạn kinh tế được thực hiện trong khuôn khổ quan hệ thần thuộc với chính quyền chúa Nguyễn.

An Pháp Nguyên Bảo vì thế vừa phản ánh mức độ tự chủ đáng kể của Hà Tiên, vừa cho thấy sự công nhận của chính quyền Đàng Trong đối với vai trò kinh tế và thương mại của trấn này.

5. Đặc điểm hình thái của đồng An Pháp Nguyên Bảo

An Pháp Nguyên Bảo được đúc theo kiểu tiền kim loại truyền thống phổ biến tại Đông Á: hình tròn, giữa có lỗ vuông.

Kiểu dáng này thường được diễn giải theo quan niệm cổ đại: hình tròn tượng trưng cho trời, lỗ vuông tượng trưng cho đất. Về mặt thực dụng, lỗ vuông giúp cố định đồng tiền trong quá trình gia công, đồng thời cho phép người sử dụng xâu nhiều đồng thành chuỗi để vận chuyển, kiểm đếm và thanh toán.

Trên mặt chính của đồng tiền có bốn chữ Hán:

安 - 法 - 元 - 寶

Bốn chữ được đọc theo lối xoay vòng thành An Pháp Nguyên Bảo.

Theo hồ sơ hiện vật tại Bảo tàng Văn vật Địa phương Trường Trung học Bắc Cảng, chữ Nguyên 元 được thể hiện bằng triện thư, trong khi ba chữ còn lại gần với khải thư.

Việc phối hợp nhiều thể chữ trên cùng một đồng tiền không phải hiện tượng hiếm trong lịch sử tiền tệ Việt Nam. Đặc điểm này có thể liên quan đến truyền thống thư pháp, kỹ thuật tạo mẫu hoặc phong cách riêng của từng cơ sở đúc.

Về cấu tạo, đồng tiền gồm:

- * Mặt chính: mặt mang minh văn An Pháp Nguyên Bảo;
- * Mặt lưng: mặt đối diện, thường để trơn;
- * Ngoại quách: vành nổi bao quanh mép ngoài;
- * Nội quách: vành nổi bao quanh lỗ vuông;
- * Phương xuyên: lỗ vuông ở giữa đồng tiền.

Một số đồng tiền được phát hiện có kích thước nhỏ, thân tiền tương đối mỏng. Tuy vậy, khi so sánh với nhiều loại tiền tư đúc hoặc tiền lưu hành trong khu vực cùng thời, An Pháp Nguyên Bảo vẫn được đánh giá có chất lượng tương đối khá.

Việc xác định chính xác thành phần hợp kim, trọng lượng tiêu chuẩn và kỹ thuật đúc cần dựa trên đo đạc hiện vật cùng các phương pháp phân tích kim loại chuyên sâu.

6. Tiền quan đúc, tiền tư đúc và vị trí của An Pháp Nguyên Bảo

Trong nghiên cứu tiền cổ Việt Nam, tiền đúc thường được phân biệt thành tiền quan đúc và tiền tư đúc.

Tiền quan đúc là tiền do triều đình hoặc cơ quan công quyền được ủy quyền tổ chức đúc và đưa vào lưu thông.

Tiền tư đúc là tiền do cá nhân, thương nhân, làng nghề hoặc thế lực địa phương tự ý sản xuất mà không có sự chuẩn thuận chính thức.

Tiền tư đúc thường mô phỏng minh văn của tiền Trung Hoa hoặc tiền chính thức của Việt Nam. Một số loại có chữ viết không thống nhất, trọng lượng nhẹ, chất lượng kim loại thấp hoặc minh văn được ghép một cách tùy tiện.

Việc xếp An Pháp Nguyên Bảo vào nhóm tiền quan đúc, tiền địa phương được ủy quyền hay tiền tư đúc cần dựa trên các văn bản xác nhận quyền đúc tiền của Hà Tiên.

Trong trường hợp Mạc Thiên Tích được chúa Nguyễn chuẩn thuận cho lập lò đúc và đưa tiền vào lưu thông, An Pháp Nguyên Bảo phù hợp hơn với cách gọi:

Tiền địa phương được chính quyền trung ương ủy quyền đúc.

Cách phân loại này giúp phân biệt đồng tiền với hoạt động tư đúc bất hợp pháp, đồng thời phản ánh đúng hơn vị thế kinh tế đặc thù của Hà Tiên trong hệ thống quản lý của Đàng Trong.

Sự phân định ấy đặc biệt quan trọng, bởi nó liên quan trực tiếp đến tính hợp pháp của đồng tiền, quyền hạn kinh tế của chính quyền Hà Tiên và mức độ công nhận của chúa Nguyễn đối với chính quyền họ Mạc.

7. Phạm vi lưu hành và hành trình theo những con thuyền buôn

An Pháp Nguyên Bảo trước hết được sử dụng trong không gian kinh tế của Hà Tiên và miền Nam Đàng Trong.

Tuy nhiên, đồng tiền không dừng lại trong phạm vi một địa phương. Cùng với sự phát triển của thương mại hàng hải, nó theo chân thương nhân và thủy thủ đi đến nhiều nơi trong khu vực.

Các tư liệu và phát hiện khảo cổ được dẫn lại trong bài cho thấy An Pháp Nguyên Bảo từng xuất hiện tại:

- * Campuchia;
- * Xiêm La;
- * Bán đảo Mã Lai;
- * Một số khu vực thuộc Indonesia;
- * Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam;

* Đà Loan.

Việc đồng tiền Hà Tiên được tìm thấy tại những địa điểm xa xôi không nhất thiết có nghĩa nó từng là tiền tệ chính thức tại tất cả các vùng ấy.

Trong hệ thống thương mại tiền kim loại thời tiền hiện đại, giá trị của một đồng tiền không chỉ phụ thuộc vào nơi phát hành, mà còn có thể được xác định bởi trọng lượng, hàm lượng kim loại, uy tín của đồng tiền và tập quán giao dịch tại từng thị trường.

Bởi vậy, một đồng tiền có thể rời khỏi nơi phát hành và tiếp tục được sử dụng như:

- * Phương tiện thanh toán;
- * Vật ngang giá trong trao đổi;
- * Nguồn kim loại để tái đúc;
- * Đồng tiền được chấp nhận theo tập quán thương mại;
- * Vật mang theo trong hành trình di cư hoặc giao thương.

Sự phân bố của An Pháp Nguyên Bảo vì thế là một chỉ dấu quan trọng về phạm vi giao thương của Hà Tiên. Nó cho thấy thương cảng này từng tham gia vào một mạng lưới kinh tế rộng lớn, kết nối các vùng lục địa và hải đảo của Đông Nam Á với miền Nam Trung Hoa.

Đồng tiền, trong trường hợp này, không chỉ là công cụ trao đổi. Nó còn là vật mang theo lòng tin. Một đồng tiền chỉ có thể lưu chuyển qua nhiều bến cảng khi người nhận tin rằng nó có giá trị, có thể tiếp tục sử dụng hoặc quy đổi trong những giao dịch kế tiếp.

Niềm tin ấy chính là nền tảng vô hình của mọi nền thương mại.

8. Hiện vật từ di chỉ cổ Bốn Cảng - Bàng Khê Khuyết

Một trong những chứng tích đáng chú ý về hành trình lưu chuyển của An Pháp Nguyên Bảo là các đồng tiền được khai quật tại di chỉ cổ Bốn Cảng - Bàng Khê Khuyết, thuộc khu vực Bắc Cảng, huyện Vân Lâm, Đà Loan.

Những hiện vật này hiện được lưu giữ trong bộ sưu tập của Bảo tàng Văn vật Địa phương Trường Trung học Bắc Cảng.

Theo hồ sơ hiện vật, một số đồng An Pháp Nguyên Bảo do thầy Thái Cát Tông, nguyên giáo viên của trường, cung cấp sau khi được phát hiện tại di chỉ khảo cổ.

Đồng tiền có dạng tròn, lỗ vuông ở giữa. Mép lỗ không hoàn toàn đều; ngoại quách khá rộng, nội quách tương đối thẳng. Mặt chính mang bốn chữ An Pháp Nguyên Bảo, trong khi mặt lưng bị mài mòn mạnh, chỉ còn lại dấu vết mờ của các đường viền.

Việc phát hiện nhiều đồng An Pháp Nguyên Bảo tại một di chỉ cảng thị ở Đài Loan mở ra những hướng nghiên cứu đáng chú ý:

- * Quan hệ thương mại giữa Hà Tiên với các thương nhân hoạt động tại vùng biển Đài Loan;
- * Sự lưu chuyển gián tiếp qua các thương cảng Quảng Đông, Phúc Kiến hoặc Hải Nam;
- * Vai trò của các mạng lưới thương nhân người Hoa trong việc đưa tiền tệ và hàng hóa đi khắp khu vực;
- * Mối liên hệ giữa những cảng thị Đông Nam Á và Đông Á trong thế kỷ XVIII;
- * Hành trình di chuyển của cư dân, thủy thủ và thương nhân trong một không gian hàng hải rộng lớn.

Một đồng tiền được tìm thấy ngoài địa bàn phát hành chính là chứng nhân của sự dịch chuyển. Nó đã đi qua những con thuyền, những bến cảng và những cuộc giao dịch mà sử liệu thành văn không phải lúc nào cũng ghi lại.

Trên thân đồng tiền không có nhật ký hành trình. Nhưng nơi nó được tìm thấy chính là một phần câu chuyện về con đường mà nó từng đi qua.

9. Đồng tiền trong bối cảnh biến động chính trị khu vực

Hà Tiên nằm trong một khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của xung đột giữa Đại Việt, Campuchia và Xiêm La.

Trong thời gian cai quản, Mạc Thiên Tích tham gia sâu vào quan hệ chính trị khu vực. Ông từng che chở một số thành viên hoàng gia Campuchia và Ayutthaya lưu vong, đồng thời duy trì quan hệ thân thuộc với chính quyền chúa Nguyễn.

Sau khi Ayutthaya thất thủ trước quân Miến Điện năm 1767, Cư sĩ Trịnh Tín, tức vua Taksin, tập hợp lực lượng, khôi phục quyền lực Xiêm La và thiết lập chính quyền mới.

Năm 1771, quân Xiêm tiến đánh Hà Tiên. Mạc Thiên Tích phải chống giữ trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Hà Tiên bị chiếm đóng; nhưng đến năm 1773, trước sức ép quân sự và ngoại giao từ phía chúa Nguyễn, quân Xiêm rút lui, Mạc Thiên Tích trở lại cai quản.

Sự phục hồi ấy không kéo dài lâu. Phong trào Tây Sơn bùng nổ làm thay đổi toàn bộ cục diện Đàng Trong. Mạc Thiên Tích tiếp tục đứng về phía chúa Nguyễn và cuối cùng phải sang Xiêm lánh nạn.

Năm 1780, trong bối cảnh chính trị Xiêm ngày càng căng thẳng, ông bị bắt giam. Không chịu khuất phục và quyết giữ lòng trung thành với chúa Nguyễn, Mạc Thiên Tích qua đời tại Xiêm La.

Cuộc đời ông kết thúc giữa những biến động dữ dội của thời đại. Nhưng đồng tiền do chính quyền Hà Tiên tổ chức đúc vẫn tiếp tục tồn tại trong lòng đất, trong các bộ sưu tập và tại những địa điểm từng thuộc mạng lưới thương mại khu vực.

Quyền lực chính trị có thể đổi thay, thành quách có thể đổ nát, nhưng những dấu vết nhỏ bé của đời sống kinh tế vẫn có khả năng vượt qua thời gian.

10. Giá trị lịch sử của An Pháp Nguyên Bảo

Giá trị của An Pháp Nguyên Bảo vượt xa ý nghĩa của một hiện vật sưu tầm.

Thứ nhất, đây là tư liệu về lịch sử tiền tệ

Đồng tiền phản ánh nhu cầu mở rộng phương tiện thanh toán trong một nền kinh tế cảng thị đang phát triển. Nó giúp các nhà nghiên cứu tìm hiểu kỹ thuật đúc, nghệ thuật chữ viết, thành phần hợp kim, trọng lượng và tiêu chuẩn tiền tệ tại miền Nam Việt Nam thế kỷ XVIII.

Thứ hai, đây là chứng tích về năng lực quản trị kinh tế

Việc tổ chức đúc và đưa tiền vào lưu thông cho thấy chính quyền Hà Tiên không chỉ quan tâm đến phòng thủ và ngoại giao, mà còn chú trọng thị trường, thuế khóa, thanh toán công vụ và hoạt động thương mại.

Thứ ba, đây là dấu chỉ của thẩm quyền chính trị

Quyền tổ chức đúc tiền phản ánh mức độ tín nhiệm mà chúa Nguyễn dành cho Mạc Thiên Tích, đồng thời cho thấy vị trí đặc biệt của Hà Tiên trong cấu trúc quản lý vùng biên viễn phía Nam.

Thứ tư, đây là bằng chứng về mạng lưới thương mại biển

Việc An Pháp Nguyên Bảo được tìm thấy tại Hải Nam, Lôi Châu, Đài Loan và một số địa điểm Đông Nam Á cho thấy Hà Tiên từng kết nối với một không gian giao thương rộng lớn.

Thứ năm, đây là tư liệu về lịch sử di dân

Những đồng tiền ấy gắn với hành trình của người Hoa di cư, quá trình giao lưu Việt – Hoa – Khmer và sự hình thành những cộng đồng đa văn hóa tại các cảng thị phương Nam.

Sau cùng, đây là biểu tượng của mối quan hệ giữa kinh tế và an sinh

Dưới góc nhìn Kinh tế học Phật giáo, tiền tệ tự thân không thiện cũng không ác. Giá trị đạo đức của nó tùy thuộc vào cách con người tạo ra, phân phối và sử dụng.

Tiền có thể trở thành công cụ của lòng tham, bóc lột và xung đột. Nhưng tiền cũng có thể được sử dụng để mở mang sinh kế, xây dựng công trình công cộng, duy trì giáo dục, chăm lo đời sống tinh thần và tạo điều kiện cho cộng đồng cùng phát triển.

Một nền kinh tế bền vững vì thế không chỉ cần đồng tiền ổn định, mà còn cần:

- * Giao dịch minh bạch;
- * Giá cả tương đối công bằng;
- * Tôn trọng người lao động;
- * Bảo vệ sinh kế của cộng đồng;
- * Tiết chế việc khai thác tài nguyên;
- * Hòa hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội;
- * Nuôi dưỡng lòng tin giữa người với người.

Hà Tiên từng phồn thịnh không chỉ vì có vị trí thuận lợi. Sự phát triển ấy còn đến từ khả năng dung nạp con người, kết nối thị trường và tạo nên một môi trường chung sống tương đối cởi mở giữa nhiều cộng đồng.

Đó cũng là nền tảng của một môi trường xã hội bền vững.

Kết luận

An Pháp Nguyên Bảo là một đồng tiền nhỏ, nhưng chứa đựng một lịch sử lớn.

Trên mặt tiền chỉ có bốn chữ Hán. Nhưng phía sau bốn chữ ấy là hình bóng của một thương cảng từng tấp nập thuyền buôn; là tầm nhìn kinh tế của Mạc Thiên Tích; là sự bảo trợ của chính quyền chúa Nguyễn; và là một mạng lưới giao thương trải rộng từ đồng bằng sông Cửu Long đến vịnh Xiêm, bán đảo Mã Lai, miền Nam Trung Hoa và Đài Loan.

Đồng tiền ấy từng nằm trong tay thương nhân, thủy thủ và cư dân của nhiều miền đất. Nó từng được dùng để mua bán hàng hóa, thanh toán nghĩa vụ thuế khóa hoặc trao đổi trong đời sống thường nhật. Rồi theo dòng biến thiên của lịch sử, nó chìm vào lòng đất, để gần ba thế kỷ sau trở thành chứng tích của một thời đại.

Nghiên cứu An Pháp Nguyên Bảo vì thế không chỉ là nghiên cứu một loại tiền cổ. Đó còn là hành trình tìm lại một phần diện mạo của Hà Tiên thế kỷ XVIII: một miền đất biên viễn nhưng không khép kín; một chính quyền địa phương nhưng có tầm nhìn hướng biển; một thương cảng nhỏ bé nhưng từng góp mặt trong dòng chảy kinh tế và văn hóa rộng lớn của Đông Nam Á.

Từ câu chuyện đồng tiền Hà Tiên, người đọc hôm nay có thể nhận ra một chân lý giản dị: kinh tế chỉ thật sự có ý nghĩa khi phục vụ con người.

Sự thịnh vượng không thể chỉ được đo bằng lượng hàng hóa, nguồn thu hay số tiền tích lũy. Một nền kinh tế chân chính còn phải được đánh giá bằng khả năng đem lại sinh kế, giảm bớt bất công, nuôi dưỡng lòng tin và giúp các cộng đồng cùng tồn tại trong hòa bình.

Đó chính là nơi lịch sử tiền tệ gặp gỡ tinh thần Phật giáo: đồng tiền đi vào lưu thông, nhưng lòng người không bị cuốn trôi theo lòng tham; thương mại mở rộng, nhưng phẩm giá con người vẫn được gìn giữ; sự giàu có tăng lên, nhưng không đánh đổi bằng khổ đau của cộng đồng và môi trường sống.

Trong ý nghĩa ấy, An Pháp Nguyên Bảo không chỉ là dấu ấn của quyền đúc tiền. Đó còn là lời gọi nhắc về một nền kinh tế biết hướng đến Chính mạng, an sinh và thịnh vượng hài hòa.

Lưu ý về sử liệu và thuật ngữ

1. *Mạc Thiên Tích – Mạc Thiên Tứ*: Hai tên gọi cùng xuất hiện trong các nguồn tài liệu. Nhiều bộ sử và công trình nghiên cứu Việt Nam sử dụng tên Mạc Thiên Tứ. Bài viết giữ tên Mạc Thiên Tích theo bản thảo, đồng thời ghi nhận dạng tên thường gặp trong sử liệu.

2. *Mốc rằm tháng Giêng năm 1736*: Chi tiết gắn liền khai lò đúc tiền với ngày mở Tao đàn Chiêu Anh Các cần được đối chiếu thêm với nguồn sử liệu nguyên cấp.

3. *“Cảng thị quốc Hà Tiên”*: Đây là thuật ngữ diễn giải được sử dụng trong một số nghiên cứu hiện đại, không phải quốc hiệu chính thức trong sử liệu Việt Nam.

4. *Tính chất pháp lý của An Pháp Nguyên Bảo*: Việc xác định đây là tiền quan đúc, tiền địa phương được ủy quyền hay tiền tư đúc cần căn cứ thêm vào văn bản cho phép đúc tiền, kết quả phân tích kim loại và hệ thống phân loại tiền tệ học.

5. *Kinh tế học Phật giáo*: Đây là khung lý luận hiện đại được vận dụng để diễn giải giá trị nhân văn của các chính sách kinh tế. Bài viết không khẳng định Mạc Thiên Tích từng sử dụng thuật ngữ hoặc xây dựng một học thuyết mang tên Kinh tế học Phật giáo.

Một số thuật ngữ tiền tệ học

- * *Minh văn*: Chữ hoặc ký hiệu được đúc trên đồng tiền.
- * *Mặt chính*: Mặt mang tên tiền hoặc niên hiệu.
- * *Mặt lưng*: Mặt đối diện với mặt chính.
- * *Ngoại quách*: Vành nổi sát mép ngoài đồng tiền.
- * *Nội quách*: Vành nổi bao quanh lỗ vuông.
- * *Phương xuyên*: Lỗ vuông giữa đồng tiền.
- * *Quan đúc*: Do triều đình hoặc cơ quan công quyền tổ chức đúc.
- * *Tư đúc*: Do cá nhân hoặc tổ chức ngoài nhà nước tự ý sản xuất.
- * *Lưu thông tiền tệ*: Quá trình đồng tiền được sử dụng trong thanh toán và trao đổi.
- * *Phương tiện thanh toán*: Công cụ được các bên chấp nhận để hoàn tất giao dịch.
- * *Chi phí giao dịch*: Những phí tổn phát sinh trong quá trình mua bán, quy đổi, vận chuyển và xác nhận giá trị hàng hóa hoặc tiền tệ.

Tác giả: **Thích Vân Phong** chuyển ngữ và tổng hợp từ nhiều nguồn.